

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

CHUYÊN GIA ĐỘC LẬP VỀ NGHÈO CÙNG CỰC

Hội đồng Nhân quyền

Phiên 17

Chương trình nghị sự mục 3

Khuyến khích và bảo vệ tất cả các quyền con người, các quyền về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, bao gồm cả quyền phát triển

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

Nhiệm vụ đến Việt Nam

- **Tóm tắt**

Nhận lời mời của Chính phủ, chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona, đã tiến hành nhiệm vụ đến thăm Việt Nam từ ngày 23 - 31 tháng 8 năm 2010. Trong chuyến thăm, chuyên gia đã trực tiếp thu thập những thông tin về tình hình nhân quyền của những người sống trong nghèo đói cùng cực, và về chính sách xã hội, đặc biệt là những chính sách về bảo trợ xã hội.

Chuyên gia độc lập công nhận những tiến bộ quan trọng trong xóa đói giảm nghèo thực hiện tại Việt Nam trong hai thập kỷ phát triển kinh tế nhanh chóng, phản ánh trong việc tăng sự thụ hưởng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của toàn dân. Tuy nhiên, như thừa nhận bởi các nghiên cứu của Chính phủ, các lợi ích của tiến bộ này đã không được chia sẻ như nhau, và bất bình đẳng gia tăng là một mối quan tâm nghiêm trọng. Vì vậy, cần khẩn cấp đổi mới sự quan tâm để có thể tiếp cận được một bộ phận dân cư đáng kể vẫn đang sống trong tình trạng nghèo cùng cực, và để đảm bảo rằng những người có tình hình đã được cải thiện được bảo vệ khỏi các cuộc khủng hoảng trong tương lai. Điều này đòi hỏi chiến lược mới để đảm bảo bảo vệ tốt hơn cho những người đặc biệt dễ bị tổn thương trước nghèo đói như phụ nữ, trẻ em, người lớn tuổi, công nhân di cư, người khuyết tật và đặc biệt là người dân tộc thiểu số.

Báo cáo này xem xét việc thụ hưởng quyền con người, đặc biệt là các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá của các nhóm này, và đưa ra các khuyến nghị cụ thể về cách thực hiện một cách tiếp cận dựa trên quyền con người đối với bảo trợ xã hội và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam.

Chuyên gia độc lập kêu gọi Việt Nam tăng đáng kể đầu tư cho bảo trợ xã hội, nhắc lại rằng nghĩa vụ thực hiện chính sách bảo trợ xã hội bắt nguồn trực tiếp từ một số nguyên tắc nhân quyền. Bà hoan nghênh phác thảo một chiến lược

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

toàn diện cho việc mở rộng bảo trợ xã hội trong nước. Từ việc chỉ một phần giới hạn trong toàn bộ dân số được hưởng bảo hiểm xã hội chính thức, cần phải đặc biệt tăng cường các cơ chế hỗ trợ xã hội. Đầu tư vào bảo trợ xã hội không chỉ quan trọng để đưa từng cá nhân thoát khỏi đói nghèo, mà còn giúp bảo vệ tất cả những người có thể bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế trong tương lai hoặc do thiên tai. Báo cáo cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo rằng chi phí tài chính để tiếp cận chăm sóc sức khỏe cơ bản và giáo dục không trở thành gánh nặng của những người sống trong nghèo đói cùng cực.

Phụ lục

Báo cáo của chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực về chuyển công tác tại Việt Nam (23 - 31 tháng 8 năm 2010).

Nội dung

I. Giới thiệu	5
II. Khuôn khổ pháp lý và thể chế	6
III. Tình hình của người dễ bị nghèo đói cùng cực	9
A. Các dân tộc thiểu số	9
B. Phụ nữ	12
D. Người lớn tuổi	16
E. Người khuyết tật	17
F. Người di cư trong nước	18
IV. An sinh xã hội (bảo trợ xã hội)	19
Các nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử	21
1. Đặt mục tiêu	21
2. Diện bảo hiểm	22
3. Sẵn có và chất lượng thỏa đáng	23
4. Khả năng tiếp cận	24
5. Chấp nhận được và khả năng thích ứng văn hóa	25
B. Đảm bảo dữ liệu tách biệt theo giới và cập nhật	26
D. Sự tham gia và trách nhiệm giải trình	27
V. Hỗ trợ quốc tế và hợp tác	27

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

I. Giới thiệu

1. Trong báo cáo này, chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực (sau đây gọi tắt là chuyên gia độc lập), Magdalena Sepulveda Carmona, mô tả những phát hiện trong chuyến công tác của mình đến Việt Nam 23-31 tháng 8 năm 2010. Trong chuyến thăm này, chuyên gia độc lập đã thu thập những thông tin cung cấp một cái nhìn tổng quan về tình hình nhân quyền của những người sống trong nghèo đói cùng cực và cho phép đưa ra một phân tích dựa trên quyền với các chính sách xã hội quan trọng trong lĩnh vực bảo trợ xã hội. Bảo trợ xã hội và nhân quyền là chủ đề chính trong các báo cáo chuyên đề gần đây nhất của chuyên gia (A/HRC/11/9, A/HRC/14/31, A/64/279 và A/65/259).

2. Chuyên gia độc lập đã gặp gỡ với các cơ quan Chính phủ khác nhau, bao gồm cả Phó Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, và đại diện từ các Bộ: Ngoại giao, Lao động, Thương binh và Xã hội; Kế hoạch và Đầu tư; Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường. Bà cũng đã gặp đại diện của Ủy ban các Vấn đề Xã hội của Quốc hội Việt Nam, Ban Dân nguyện Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Trong chuyến thăm các tỉnh, bà đã gặp với đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Quảng Nam.

3. Tiếp theo, bà đã tổ chức cuộc họp với đại diện của các tổ chức quốc tế, cơ quan nhà tài trợ và các tổ chức xã hội dân sự làm việc tại Việt Nam.

4. Chuyên gia độc lập cũng đã có cơ hội đến thăm và gặp gỡ người dân ở cộng đồng Tự Lập, huyện Mê Linh, Hà Nội, Yên Định, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, và Tiên Phước, Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

5. Chuyên gia độc lập bày tỏ lòng biết ơn Chính phủ Việt Nam đã có lời mời và hợp tác đầy đủ trong chuyến công tác của mình. Bà cũng cảm ơn Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam, đặc biệt là Văn phòng Điều phối viên thường trú, đã trực tiếp hỗ trợ chuẩn bị cho chuyến thăm. Cuối cùng, bà bày tỏ lòng biết ơn của mình với tất cả những người đã gặp gỡ với bà, đặc biệt là những người đã chia sẻ trải nghiệm cá nhân của họ sống trong tình trạng nghèo cùng cực ở Việt Nam.

6. Trong hai thập kỷ qua, Việt Nam đã đạt được tiến bộ ấn tượng trong việc giảm nghèo. Đường lối đổi mới chương trình đã có tác động đáng kể trên tất cả các lĩnh vực của xã hội, kết quả là đời sống được cải thiện đáng kể đối với nhiều người. Theo Chính phủ ước tính, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 58,1% năm 1993 lên 14,5% năm 2008.[1] Việt Nam gần đây đã đạt được tình trạng "thu nhập trung bình".

7. Mặc dù có tiến bộ đáng khen ngợi, ít nhất 12 triệu người Việt Nam vẫn sống trong tình trạng nghèo cùng cực trong năm 2008.[2] Hơn nữa, tỷ lệ giảm nghèo chậm lại và có nguy cơ của các nhóm đã phát triển trở lại tình trạng nghèo đói do hậu quả của những cú sốc kinh tế cú sốc và thiên tai đang có thể trở thành thường xuyên hơn do ảnh hưởng của gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới,

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

tình trạng thu nhập trung bình và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu change.[3] Ngoài ra, hầu hết các nghiên cứu nhận ra rằng những thành công trong kích thích tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo vẫn còn không đồng đều và bất bình đẳng là một mối quan ngại nghiêm trọng, đã tăng lên kể từ năm 1993.[4] Có sự khác biệt lớn giữa các khu vực và một khoảng cách rõ ràng giữa đô thị và nông thôn. Hơn nữa, các dân tộc thiểu số rõ ràng đã không được hưởng những tiến bộ với tiến độ của đất nước nói chung. Nếu tình trạng này không thay đổi, nghèo đói sẽ vẫn là một hiện tượng phổ biến trong các dân tộc thiểu số.[5]

8. Bất kể những nỗ lực đáng kể của Chính phủ, sự chênh lệch tồn tại trong tiếp cận một số dịch vụ và các cơ hội kinh tế vẫn còn là một yếu tố quyết định sự tồn tại của đói nghèo lưu niên qua nhiều thế hệ. Những sự bất bình đẳng này làm tăng mối quan tâm về nhân quyền và đòi hỏi những nỗ lực sửa chữa ngay lập tức. Báo cáo này đề xuất các biện pháp mà Chính phủ Việt Nam nên thực hiện để đảm bảo rằng xóa đói giảm nghèo, đặc biệt, chính sách bảo vệ xã hội sẽ tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy được việc thụ hưởng đầy đủ các quyền con người, đặc biệt ưu tiên cho những người sống trong nghèo đói.

II. Khuôn khổ pháp lý và thể chế

9. Phù hợp với nghĩa vụ pháp lý trong nước và quốc tế, Việt Nam buộc phải đảm bảo việc bảo vệ quyền con người, bao gồm cả quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, của tất cả mọi người trong quyền hạn của Nhà nước mà không có sự phân biệt đối xử với bất kỳ ai. Chương V của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 ghi nhận một tập hợp các "quyền cơ bản và nghĩa vụ của công dân", đảm bảo rằng tất cả các công dân được hưởng quyền bình đẳng chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội (Điều 50), chẳng hạn như bao gồm quyền tham gia quản lý Nhà nước (Điều 53), quyền làm việc (Điều 55), quyền giáo dục, bao gồm giáo dục tiểu học miễn phí và bắt buộc (Điều 59), quyền chăm sóc sức khỏe (Điều 61), cấm phân biệt đối xử giữa nam giới và phụ nữ (Điều 63), và quyền hội họp và lập hội (Điều 69). Quyền an sinh xã hội (Bảo vệ) được công nhận rõ ràng trong Hiến pháp. Tuy nhiên, một số quy định theo quy định tại Chương V cung cấp một nền tảng pháp lý cho các chính sách về bảo trợ xã hội và chính sách xã hội quan trọng khác.[6]

10. Khuôn khổ hiến pháp này được tiếp tục bổ sung bởi nhiều luật trong nước đa dạng cũng như tiêu chuẩn quốc tế được ghi nhận trong các công ước quốc tế về quyền Việt Nam đã phê duyệt,[7] đã thiết lập các nghĩa vụ pháp lý bắt buộc các cơ chế về giảm nghèo và bảo trợ xã hội phải tuân thủ.[8]

11. Trong khi cách tiếp cận về quyền con người không nhất thiết phải quy định cụ thể các biện pháp chính sách, vì Nhà nước có toàn quyền xây dựng các chính sách xóa đói giảm nghèo thích hợp nhất cho hoàn cảnh của mình, tiếp cận nhân quyền đòi hỏi rằng các quốc gia phải tính đến các nghĩa vụ về nhân quyền khi thiết kế, thực hiện và đánh giá các chính sách và can thiệp liên quan đến xóa đói giảm nghèo. Những nghĩa vụ có ràng buộc về pháp lý này liên quan đến kết quả cuối cùng cũng như quá trình vận dụng.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

12. Chuyên gia độc lập nhấn mạnh rằng nghĩa vụ nhân quyền quốc tế nghĩa vụ bổ sung với pháp luật trong nước và phải được tôn trọng. Chuyên gia độc lập hoan nghênh nỗ lực của Chính phủ Việt Nam để đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế thông qua Chiến lược cải cách tư pháp, Chiến lược phát triển hệ thống pháp luật và Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội.

13. Chuyên gia độc lập nhấn mạnh rằng những nỗ lực cải cách cần đưa vào tính phổ quát và không thể tách rời của tất cả các quyền con người, và thúc đẩy đồng thời và hài hòa tất cả các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Thông thường, các việc thụ hưởng một cách có ý nghĩa các quyền kinh tế và xã hội dựa vào việc thụ hưởng các quyền dân sự và quyền chính trị. Để đạt được mục tiêu này, các quyền tự do phát biểu, ý kiến và thông tin (Công ước Quốc Tế về các Quyền Dân sự và chính trị, điều 19; Công ước về Quyền của trẻ em, điều 13), hội họp (Công ước Quốc Tế về các Quyền Dân sự và chính trị, điều 21), lập hội (Công ước Quốc Tế về các Quyền Dân sự và chính trị, điều 22; Công ước quốc tế về Quyền Kinh tế, Xã hội và văn hóa, điều 8; Công ước về Quyền của Trẻ em, điều 15), cũng như quyền tham gia trong xã hội (Công ước quốc tế về dân sự và quyền chính trị, điều 5, Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, điều 7 và 8) là nền tảng trong việc đảm bảo rằng các cá nhân có thể tăng tiếng nói để đảm bảo chính sách xã hội tốt hơn và thụ hưởng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Những quyền này phải được thực hiện theo các quy định trong các điều nói trên. Cần phải chú ý đặc biệt đến quyền của dân tộc thiểu số về tham gia có hiệu quả trong đời sống xã hội, kinh tế và sinh hoạt công cộng và trong các tiến bộ và phát triển kinh tế (các điều 2 (2) và 4 (5) Tuyên bố về quyền của người thiểu số về dân tộc hay chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ).

14. Trong chuyến thăm của mình, chuyên gia độc lập ghi nhận thái độ tích cực của Chính phủ hướng tới việc tiếp tục gia nhập hoặc phê chuẩn các công cụ về quyền con người, như thể hiện gần đây của Chính phủ trong Báo cáo định kỳ phổ quát.[9] Trên tinh thần này, chuyên gia kêu gọi Việt Nam tái khẳng định cam kết của mình để phê chuẩn Công ước quốc tế chống Tra tấn và các biện pháp đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo; Công ước về Bảo vệ các Quyền của tất cả các lao động di cư và các thành viên gia đình của họ; Công ước về Quyền của Người khuyết tật quốc tế Công ước về bảo vệ tất cả mọi người khỏi mất tích cưỡng bức, cũng như các Nghị định thư tùy chọn của Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị, Công ước Quốc Tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ.

15. Tuy nhiên, là thành viên của các công ước quốc tế về quyền con người là không đủ; tiêu chuẩn quốc tế phải được đưa vào pháp luật trong nước. Trong khi Chính phủ đã bày tỏ ý định của mình để hài hòa với các tiêu chuẩn về nhân quyền quốc tế,[10] cần thực thi thêm nhiều nỗ lực để đẩy nhanh quá trình này.

16. Chuyên gia độc lập cũng quan ngại về việc thiếu một cơ chế giám sát độc lập đối với những vi phạm nhân quyền. Trong chuyến thăm của mình, bà đã

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

được thông báo về tham vấn gần đây về việc thành lập một tổ chức nhân quyền quốc gia. Bà hoan nghênh các cuộc tranh luận đang diễn ra và nhấn mạnh rằng một tổ chức nhân quyền quốc gia phải được độc lập và tuân thủ các Nguyên tắc Paris về địa vị của các tổ chức quốc gia [về nhân quyền].

17. Liên quan đến chiến lược phát triển, trong vòng hai thập kỷ qua, Việt Nam đã theo đuổi một chính sách xóa đói giảm nghèo thông qua tăng trưởng kinh tế. Cả Chiến lược tăng trưởng toàn diện và Xóa đói giảm nghèo (2003) và Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010 (2006) được xây dựng trên cơ sở công nhận tính chất hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, trên cơ sở những bằng chứng cho thấy sự nghèo đói ngày càng có sức đề kháng với sự tăng trưởng đơn thuần, chuyên gia độc lập hoan nghênh việc thực tế cả hai văn bản nhấn mạnh rõ ràng sự cần thiết phải giải quyết sự bất bình đẳng đang ngày càng tăng để đảm bảo giảm nghèo bền vững và công nhận vai trò quan trọng mà bảo trợ xã hội có thể đóng [trong quá trình này]. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đề xuất chính sách nâng cao để đạt được phổ cập bảo hiểm xã hội và các chương trình quốc gia về hỗ trợ xã hội. Kế hoạch này cũng bao gồm một số các biện pháp để tăng cường khả năng tiếp cận một số dịch vụ xã hội cơ bản.[11] Tuy nhiên, chuyên gia độc lập cũng lưu ý rằng cả hai chiến lược không trực tiếp tham chiếu đến việc thực hiện các nghĩa vụ nhân quyền liên quan đến những mục tiêu này.

III. Tình hình của người dễ bị nghèo đói cùng cực

18. Chuyên gia độc lập đã đến thăm một số cộng đồng người Việt sinh sống trong đói nghèo tại các khu vực đô thị và nông thôn. Qua các cuộc họp tập thể và cá nhân với cư dân địa phương, bà đã có được cái nhìn sâu sắc vào điều kiện sống khó khăn của họ, đặc trưng bởi những thách thức trong việc thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa mà Việt Nam đã cam kết tôn trọng, bảo vệ và thực hiện cho tất cả người dân của mình mà không phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào.

19. Trong những nhiệm vụ trước đây của bà, chuyên gia độc lập đã xác định được nhóm đặc biệt dễ bị nghèo cùng cực và yêu cầu các sáng kiến cụ thể để khắc phục tác động của thiếu thốn kinh tế và loại trừ xã hội. Các tiểu mục dưới đây tóm tắt những quan ngại về nhân quyền liên quan đến các nhóm này.

A. Các dân tộc thiểu số

20. Chuyên gia độc lập đặc biệt quan tâm về tình hình của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Mặc dù Chính phủ đã có những nỗ lực đáng kể và xóa đói giảm nghèo đã diễn ra trên tất cả các nhóm dân cư, tình hình của các dân tộc thiểu số vẫn còn rất nghiêm trọng. Trong khi năm 1990 chỉ có 18% những người sống trong nghèo đói thuộc về dân tộc thiểu số, vào năm 2008 người dân tộc thiểu số chiếm gần 56% nhóm này.[12] Trong khi con số này gia tăng mạnh mẽ một phần là do việc điều chỉnh tăng chuẩn nghèo, nó vẫn thể hiện tình huống cực kỳ dễ bị tổn thương của dân tộc dân tộc thiểu số.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

21. Ở Việt Nam chính thức có 54 dân tộc. Nhóm đa số, được gọi là Kinh, đại diện cho 85,7% dân số. Những trở ngại chính cho dân tộc thiểu số là vị trí địa lý khó khăn và rào cản ngôn ngữ. Bảy mươi lăm phần trăm dân cư các dân tộc thiểu số Việt Nam sống ở các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, chủ yếu ở các vùng núi phía Bắc và Tây Nguyên, với cơ sở hạ tầng nghèo nàn và hạn chế trong tiếp cận chăm sóc sức khỏe, giáo dục và các dịch vụ khác của Chính phủ.[13] Trong khi tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức ở Việt Nam, nhiều cộng đồng thiểu số không tương tác bằng tiếng Việt và nói bằng ngôn ngữ dân tộc của họ. 22. Nghiên cứu gần đây cho thấy rõ ràng nhất sự chênh lệch về thu nhập, sức khỏe, việc làm giáo dục, bảo hiểm, và tiếp cận các dịch vụ khác của Chính phủ đã hình thành theo các nhóm dân tộc. Trong khi xu hướng tổng thể trong công tác xoá đói giảm nghèo vẫn còn tích cực, khoảng cách thu nhập giữa người Kinh và người Hoa (tạo thành một bộ phận dân số tương đối lớn so với các nhóm dân tộc thiểu số) và các dân tộc thiểu số vẫn còn đáng kể và ngày càng tăng. Trong năm 2008, trong khi chỉ có 9% các hộ gia đình người Kinh và Hoa thuộc diện hộ nghèo, tỷ lệ đói nghèo ở các dân tộc thiểu số trung bình là 50,3%, với tỷ lệ hơn 80% trong một số nhóm.[14] Tỷ lệ giảm nghèo giữa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cũng tương đối chậm hơn về một số mặt.[15]

23. Bất bình đẳng rõ ràng hiển hiện ngay từ rất sớm. Ví dụ, trong khi 22% trẻ em người Kinh hoặc Hoa được xác định bởi Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) là sống trong nghèo đói, các con số tương ứng cho trẻ em dân tộc thiểu số là 62 phần trăm.[16] Ba mươi phần trăm dân tộc thiểu số chưa bao giờ đạt được bất kỳ (mức độ) giáo dục nào so với 6% ở người Kinh.[17] Cho rằng giáo dục là cánh cửa thoát khỏi nghèo đói, và thiếu giáo dục đặc biệt gây tổn hại cho người dân tộc thiểu số là những người có thể không có cơ hội khác để học ngôn ngữ chính thức, những bất bình đẳng này là mối quan ngại lớn.

24. Chuyên gia độc lập công nhận rằng Chính phủ xác định hoàn cảnh của cộng đồng thiểu số là một ưu tiên chính trị và đã phát triển một loạt các chương trình nhằm mục đích nâng cao mức sống của họ. Thông qua đó, Chính phủ đã thực thi một nỗ lực nghiêm túc để giúp đỡ người dân tộc thiểu số vượt qua những rào cản mà họ phải đối mặt. Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội dành cho các xã đặc biệt khó khăn trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam, được gọi là Chương trình 135, ví dụ, đã tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng ở vùng sâu vùng xa để giải quyết tình trạng cô lập về địa lý như là một nguyên nhân gây nên tính dễ bị tổn thương của các dân tộc thiểu số.[18]

25. Tuy nhiên, sự cô lập về địa lý không giải thích việc không cân xứng trong tính dễ bị tổn thương do nghèo đói của các dân tộc thiểu số. Ví dụ, trong khi hơn 52% dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và Tây Bắc sống trong đói nghèo, ít hơn 10% người Kinh / Hoa trong các khu vực này sống dưới chuẩn nghèo (mới).[19] Vì người dân tộc thiểu số có xu hướng dựa nhiều hơn vào nông nghiệp như là một nguồn thực phẩm và sinh kế, họ có nguy cơ bị tổn thương lớn hơn bởi những cú sốc về kinh tế và môi trường.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

26. Bằng chứng cho thấy rằng, mặc dù biện pháp can thiệp cơ sở hạ tầng đã khá lớn tác động tích cực, nói chung, nhóm Kinh có xu hướng hưởng lợi nhiều hơn từ các chương trình xóa đói giảm nghèo của Chính phủ, và dân tộc thiểu số gặp khó khăn nhiều hơn trong tiếp cận các dịch vụ do nhiều lý do, bao gồm cả các rào cản ngôn ngữ. [20] Tương tự như vậy, sự bất bình đẳng trong giáo dục sinh ra không chỉ do khó khăn vật lý trong việc đến trường của những người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, mà còn bởi rào cản ngôn ngữ (như giáo dục thường xuyên được cung cấp bằng tiếng Việt) và rào cản kinh tế - mặc dù đã có sáng kiến miễn phí, các dân tộc thiểu số ít có khả năng chi trả đủ chi phí trực tiếp và gián tiếp cho giáo dục.[21]

27. Có một số yếu tố hỗ trợ lẫn nhau đóng góp vào cái nghèo vĩnh cửu của người dân tộc thiểu số và bất kỳ nỗ lực để giải quyết thấu đáo sự bất bình đẳng này phải bắt nguồn từ việc cân nhắc đến những yếu tố này. Ngân sách hỗ trợ giảm nghèo cho dân tộc thiểu số phải được tăng cường và phải phát triển những chiến lược sáng tạo để đảm bảo tiếp cận được một cách đầy đủ và phù hợp với tình hình cụ thể của người dân tộc thiểu số, như công nhận trong các đánh giá gần đây của Chính phủ.[22] Về vấn đề này, quan trọng là Chính phủ cải thiện thu thập dữ liệu và phát triển dữ liệu phân tách cho tất cả các nhóm dân tộc thiểu số để đảm bảo rằng các chính sách giảm nghèo phù hợp với các nhóm dân tộc khác nhau và các thành viên của họ. Cần tăng cường và củng cố các kênh tham gia hiệu quả để các chương trình xóa đói giảm nghèo có thể tính đến nhu cầu của các nhóm thiểu số khác nhau.

28. Một trở ngại nữa cho sự phát triển của các nhóm dân tộc thiểu số là thiếu sự hiểu biết về văn hóa của một số cán bộ, công chức nhà nước và sự rập khuôn đánh đồng đặc điểm thiếu tiên bộ về kinh tế của các dân tộc thiểu số với những thực hành văn hóa và truyền thống của họ. Một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới ghi lại việc tái sản sinh những khuôn mẫu tiêu cực về dân tộc thiểu số trong các cơ quan chính quyền và việc chủ quan hóa những quan điểm như vậy về các dân tộc thiểu số, đồng thời [nghiên cứu cũng] lưu ý rằng điều này đã dẫn đến những sai lầm trong việc đưa ra chính sách.[23] Chuyên gia độc lập công nhận những nỗ lực của Ủy ban Dân tộc để loại bỏ những khuôn mẫu tiêu cực. Tuy nhiên, trong tương tác của bà với một số quan chức, chuyên gia độc lập được cho biết sự thiếu tiên bộ giữa các dân tộc thiểu số liên quan đến "tư duy" và "lạc hậu". Chính phủ phải tăng cường các nỗ lực của mình thay đổi quan niệm phổ biến về các dân tộc thiểu số và nâng cao năng lực của các nhân viên và các tổ chức của Chính phủ để phục vụ tốt hơn lợi ích của các dân tộc thiểu số.

29. Chuyên gia độc lập hoàn toàn đồng ý với và tiếp thu các phân tích của chuyên gia độc lập về các vấn đề dân tộc thiểu số, người, sau chuyên thăm Việt Nam đã kêu gọi Chính phủ đảm bảo rằng những nỗ lực để giải quyết nghèo đói của dân tộc thiểu số phải bao gồm đầy đủ những quan điểm của các dân tộc thiểu số, bảo tồn nền văn hóa độc đáo, ngôn ngữ, truyền thống và lối sống, và

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

tôn trọng quyền của họ với sở hữu và sử dụng các vùng đất và vùng lãnh thổ cần thiết cho sinh kế của họ.[24]

B. Phụ nữ

30. Việt Nam là một trong những nước đầu tiên phê chuẩn Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ và đứng đầu trong khu vực về sự tiến bộ trong việc thu hẹp khoảng cách giới. Các báo cáo của Chính phủ cho biết đã loại bỏ được chênh lệch giới trong tiếp cận giáo dục.[25] Phụ nữ và nam giới cũng được hưởng bình đẳng tương đối về cơ hội việc làm trong năm 2008, tỷ lệ phụ nữ tham gia trong lực lượng lao động thấp hơn 4% so với nam giới và tổng số giờ làm việc mỗi năm của phụ nữ là gần như giống như của nam giới.[26] Tuy nhiên, sự “bình đẳng tương đối” này không đủ để đảm bảo bảo vệ đầy đủ và hưởng thụ các quyền con người của phụ nữ ở Việt Nam, và có lo ngại rằng tiến bộ đầu tiên của Việt Nam trên mặt này đã bị đình trệ như, ví dụ, khoảng cách giới về trả công vẫn giữ nguyên kể từ năm 1998, [27]

31. Hơn 80% phụ nữ có hoạt động kinh tế.[28] tuy nhiên, phụ nữ đặc biệt dễ bị tổn thương trước tình trạng nghèo cùng cực và các cú sốc kinh tế vì nói chung họ có mức lương thấp và làm công việc không có tay nghề trong khu vực không chính thức.[29] Ngoài ra, những định kiến giới truyền thống làm tăng gánh nặng công việc của phụ nữ, bất chấp những tiến bộ đạt được từ năm 2002 và năm 2008, phụ nữ vẫn tiếp tục dành nhiều thời gian gấp đôi so với nam giới trong công việc tại các hộ gia đình.[30] Là một phần nghĩa vụ của Chính phủ để loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, Chính phủ phải đảm bảo rằng phụ nữ nhận được thù lao bình đẳng với nam giới cho công việc như nhau trong cả khu vực chính thức và không chính thức. Chính phủ phải có biện pháp cụ thể để sửa đổi những định kiến hoặc các vai trò rập khuôn cho nam giới và phụ nữ, đặc biệt trong các nghĩa vụ về chăm sóc.

32. Phụ nữ tiếp tục có quyền tiếp cận hạn chế hơn so với nam giới cho các nguồn lực kinh tế như đất đai, góp phần làm họ dễ dẫn đến nghèo đói. Trong khía cạnh này, chuyên gia độc lập thừa nhận ý nghĩa của việc sửa đổi Luật Đất đai năm 2003, quy định rằng giấy chứng nhận về Đất phải bao gồm tên của cả vợ và chồng trong trường hợp đất là tài sản chung. Tuy nhiên, cần có những nỗ lực đáng kể để thực tiễn trên thực tế phù hợp với pháp luật. Một cuộc khảo sát chỉ ra rằng trong năm 2006, chỉ có 15% giấy chứng nhận đất nông nghiệp và 18% giấy chứng nhận của người sử dụng đất có tên của phụ nữ hoặc cả hai vợ chồng, do đó hạn chế quyền tự chủ kinh tế và tiếp cận thị trường tín dụng chính thức của phụ nữ.[31] Trong những cộng đồng chuyên gia đến thăm, phụ nữ tiếp xúc với chuyên gia độc lập xác nhận rằng chỉ những giấy chứng nhận sử dụng đất được cấp gần đây mới theo quy định của luật 2003.

33. Tiến bộ về sức khoẻ sinh sản cũng không đồng đều. Từ 1990 đến 2008 tỷ lệ tử vong bà mẹ giảm từ 233 xuống 75 trên 100.000 ca sinh sống vì số lượng phụ nữ nhận được hơn ba lần kiểm tra tiền sản tăng lên. Tuy nhiên, tỷ lệ tử vong này vẫn ở mức cao và vẫn còn cao gấp bốn lần giữa các dân tộc thiểu số và

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

vùng sâu vùng xa và miền núi. Tiếp cận đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản là vấn đề đối với nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số,[32] cũng như thiếu nhân viên chăm sóc y tế có tay nghề trong các lĩnh vực này, và thiếu hộ sinh nói tiếng dân tộc thiểu số.[33] Như thừa nhận của Chính phủ, cần thiết phải cải tiến trong việc tiếp cận thông tin về các dịch vụ sức khỏe sinh sản và cung cấp các dịch vụ đầy đủ ở các vùng sâu vùng xa và giữa các nhóm dân tộc thiểu số.[34]

34. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng bạo lực gia đình đối với phụ nữ vẫn còn là vấn đề nghiêm trọng.[35] Chuyên gia độc lập hoan nghênh việc thông qua Luật Bình đẳng giới và Luật phòng chống bạo lực gia đình và kêu gọi Nhà nước tăng cường thực hiện những luật này. Chính phủ cần tăng cường nỗ lực để phát triển khuôn khổ giám sát và đánh giá cho cả luật pháp cũng như đào tạo cho cán bộ.

35. Cũng cần chú ý hơn để kết hợp lồng kính giới trong các chương trình, chính sách bảo trợ xã hội của đất nước. Đánh giá giữa kỳ năm 2009 của Chương trình quốc gia về Chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo đề nghị cần tiếp cận nhạy cảm giới³⁶ và chuyên gia độc lập kêu gọi Chính phủ thực hiện đầy đủ điều này.

36. Trong dự thảo Chiến lược Quốc gia về Dân số và sức khỏe sinh sản (2011 - 2020), chuyên gia độc lập kêu gọi Chính phủ tôn trọng quyền của cá nhân hoặc của các cặp vợ chồng quyết định về thời gian, số lượng và khoảng cách sinh con cái họ, để phù hợp các nghĩa vụ và cam kết quốc tế về nhân quyền của Việt Nam với Chương trình hành động của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển năm 1994. Một "Chính sách hai con", đặc biệt là quy định xử phạt cha mẹ về tài chính với con thứ ba làm suy yếu quyền con người và có ảnh hưởng đặc biệt đến những người sống trong nghèo đói.

37. Chuyên gia độc lập nhấn mạnh rằng cách tiếp cận của Chính phủ với kế hoạch hóa gia đình cần phải dựa trên giáo dục và trao quyền cho phụ nữ, phù hợp với nghĩa vụ quốc tế về nhân quyền. Thông tin và giáo dục có chất lượng về tình dục và sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình là quan trọng, không chỉ trong việc đạt được kết quả tốt về sức khỏe mà còn trong việc thực hiện quyền con người. Thông tin này phải tiếp cận được và miễn phí với phụ nữ và trẻ em gái sống trong nghèo đói mà không có sự khác biệt về dân tộc, tình trạng hôn nhân hoặc vị trí địa lý.

C. Trẻ em

38. Là một trong những nước đầu tiên phê chuẩn Công ước về Quyền của Trẻ em, Việt Nam đã đạt được tiến bộ đáng kể liên quan đến quyền trẻ em, với tiến bộ chưa từng thấy về giảm nghèo trẻ em. Tuy nhiên, theo một đánh giá đa chiều, gần một phần ba trẻ em Việt Nam dưới 16 tuổi vẫn sống trong nghèo đói, với một khoảng cách lớn giữa khu vực đô thị và nông thôn.[37]

39. Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và trẻ em giảm đi một nửa giữa các năm 1990 và 2006. Tuy nhiên, tỷ lệ này là cao trong số những người rất nghèo, những người sống ở vùng sâu vùng xa, và dân tộc thiểu số.[38] Suy dinh dưỡng là một quan

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

ngại, 17,5% trẻ em dưới năm tuổi trên toàn quốc bị ảnh hưởng bởi suy dinh dưỡng và con số này tăng đến 24,7% ở Tây Nguyên.[39] Nhìn chung, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật và trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS phải gánh chịu bất bình đẳng trong tiếp cận với các dịch vụ xã hội, cản trở hưởng thụ các quyền của các em trên cơ sở bình đẳng với các trẻ khác.

40. Việt Nam đã đạt được những tiến bộ ấn tượng trong lĩnh vực giáo dục, cải thiện tiếp cận giáo dục các cấp, tăng phân bổ ngân sách, xây dựng thêm nhiều trường học và tuyển dụng nhiều giáo viên hơn. Tuy nhiên, một lần nữa, sự chênh lệch đáng kể tồn tại trong cơ hội giáo dục và kết quả. Ví dụ, chỉ có 50% trẻ em trong vùng Tây Bắc hoàn thành tiểu học, so với 90% trẻ em ở vùng Đồng bằng sông Hồng.[40] Đặc biệt quan ngại là trẻ em dân tộc thiểu số, các em phải đối mặt với nhiều khó khăn về rào cản ngôn ngữ, thiếu giáo viên dân tộc thiểu số có trình độ, và cơ sở hạ tầng kém. Trẻ em gái dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn: lên đến một phần năm phụ nữ trẻ dân tộc thiểu số cho biết rằng họ chưa bao giờ đến trường.[41] Chính phủ cần phải thực hiện các biện pháp để đảm bảo rằng chính sách tiếp cận bình đẳng với giáo dục được thực hiện cho mỗi trẻ em không phân biệt nguồn gốc dân tộc hay giới tính.

41. Phù hợp với nghĩa vụ nhân quyền quốc tế, Việt Nam cung cấp giáo dục tiểu học miễn phí ở các trường công. Hơn nữa, từ 2006 đến 2008 khoảng 7,8 triệu người Việt Nam hưởng lợi từ việc miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp cho việc đến trường.[42] Chuyên gia độc lập công nhận sự tiến bộ rõ ràng trong tỷ lệ tuyển sinh và mức độ gia tăng của chi tiêu công cho giáo dục. Tuy nhiên, bà quan ngại đến việc những thực hành thu phí không chính thức, đặc biệt là ở cấp tiểu học, cũng như chi phí gián tiếp ngày càng tăng của giáo dục (đối với các khoản như đi lại, đồng phục và sách giáo khoa). Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2006 cho thấy hộ gia đình phải trả một khoản đáng kể (khoảng từ 13 đôla Mỹ đến 64 đôla Mỹ mỗi năm) cho giáo dục tiểu học, mặc dù học phí được miễn.[43] Chi phí trực tiếp và gián tiếp góp phần tạo nên khoảng cách ngày càng tăng trong việc tiếp cận giáo dục giữa các hộ giàu và người nghèo, đặc biệt ở cấp trung học cơ sở.[44] Do đó phương án miễn, giảm lệ phí phải được mở rộng bao gồm chi trả cho các chi phí gián tiếp, mà đối với nhiều gia đình sống trong nghèo đói các khoản gián tiếp này tạo ra một rào cản không thể vượt qua để giáo dục con cái của họ, do đó làm tăng sự nghèo đói lưu cữu qua các thế hệ.

42. Vai trò ngày càng tăng của khu vực tư nhân trong cung cấp các dịch vụ xã hội liên quan đến trẻ em cũng là một mối quan tâm. Năm 2008-2009, 51,1% học sinh mầm non theo học tại các tổ chức giáo dục ngoài công lập, cùng với 21,2% học sinh lớp trên bậc trung học phổ thông.[45] Vì trường tư được phép thu phí, chuyên gia độc lập lo ngại rằng xu hướng này sẽ mở rộng sự bất bình đẳng về chất lượng và khả năng tiếp cận cung cấp giáo dục. Nhân mạnh rằng hành động của khu vực tư nhân có thể ảnh hưởng đến việc thụ hưởng quyền trẻ em, chuyên gia độc lập lưu ý rằng ngay cả khi Nhà nước đã giao việc cung cấp các dịch vụ công cho tư nhân, Nhà nước vẫn có trách nhiệm về việc

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

bảo vệ quyền con người và bảo đảm khả năng tiếp cận phổ cập và chất lượng dịch vụ.

43. Dữ liệu gần đây cho thấy rằng 16% trẻ em độ tuổi 5-14 tham gia một số hình thức lao động trẻ em.[46] Một ước tính cho biết khoảng 27.000 trẻ em làm việc trong điều kiện có hại và nguy hiểm,[47] trong đó trẻ em sống trong nghèo đói cùng cực dễ bị tổn thương nhất bởi các hình thức bóc lột lao động tồi tệ nhất.[48] Căn cứ vào trách nhiệm của Chính phủ phải bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột về kinh tế (Công ước về Quyền trẻ em, điều 32), chuyên gia độc lập kêu gọi phải có các biện pháp phòng ngừa để giảm tình trạng đưa trẻ em dễ bị tổn thương vào lao động trẻ em và cần có những hành động trực tiếp để xác định và giải thoát cho các em khỏi tình trạng làm việc dưới các hình thức tồi tệ nhất của lao động.

44. Bản thân việc bảo vệ trẻ em khỏi khai thác tình dục và buôn bán (Công ước về Quyền của trẻ em, điều 34 và 35) liên quan đến những thay đổi kinh tế - xã hội như mở rộng sự bất bình đẳng, di cư và đô thị hóa, phải là một ưu tiên hơn nữa đối với Chính phủ. Có một nhu cầu về một hệ thống bảo vệ xã hội toàn diện hơn để cung cấp một mạng lưới an toàn đầy đủ cho tất cả trẻ em, đặc biệt là trẻ em dễ bị tổn thương nhất.

45. Trong mối quan hệ đối tác với UNICEF, Việt Nam gần đây đã đầu tư vào việc xây dựng một chỉ số nhạy cảm hơn về tình trạng nghèo ở trẻ em, có phần nhóm chỉ số về y tế, giáo dục sức khỏe sinh sản và HIV / AIDS. Chuyên gia độc lập rất hoan nghênh những biện pháp này vì, từ quan điểm về quyền con người, nghèo không chỉ giới hạn trong những thiếu thốn về kinh tế mà còn liên quan đến những thiếu thốn đáng kể về xã hội, văn hóa và chính trị.

D. Người lớn tuổi

46. Bất kể các tiến bộ đạt được trong xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam, nhiều nhóm người lớn tuổi, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và bị cô lập, vẫn còn sống trong nghèo đói. Hơn nữa, như là một kết quả của việc giảm tỷ lệ tử vong và khả năng sinh sản, và tăng tuổi thọ, người lớn tuổi đang trở thành một phần lớn hơn đáng kể trong dân số. Dân số 60 trở lên tăng từ 3,71 triệu năm 1979 lên 8,08 triệu trong năm 2007, và đến năm 2010 được dự kiến sẽ đại diện cho khoảng 10% tổng số dân.[49] Thay đổi mạnh mẽ về nhân khẩu học này kết hợp với thực tế rằng chỉ có một tỷ lệ nhỏ được nhận lương hưu từ ngân sách và số lượng của người lớn tuổi sống một mình, trong các hộ gia đình chỉ có người lớn tuổi, hoặc trong các hộ gia đình bị “mất thế hệ” đã tăng lên. Phụ nữ lớn tuổi đặc biệt dễ bị tổn thương, chiếm khoảng 80% người cao tuổi sống một mình tại Việt Nam.[50]

47. Như một hệ quả của việc giảm hỗ trợ gia đình và thiếu bảo hiểm của lương hưu từ ngân sách công, tình hình của những người lớn tuổi phải là một trong những ưu tiên của Chính phủ. Chuyên gia độc lập hoan nghênh những nỗ lực của Chính phủ để mở rộng phạm vi bảo hiểm xã hội thông qua đề án lương hưu tự nguyện để đảm bảo thế hệ trẻ ngày nay có được bảo vệ trong tương lai. Về

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

vấn đề này, chuyên gia kêu gọi Chính phủ tăng cường tiếp cận và quản lý quỹ lương hưu tự nguyện và xem xét các biện pháp khuyến khích tham gia.

48. Xét rằng chỉ một phần nhỏ của dân số ở độ tuổi nghỉ hưu được hưởng bảo hiểm chính thức, phải có những nỗ lực đáng kể để mở rộng chương trình mục tiêu hỗ trợ xã hội cho người già. Chuyên gia độc lập hoan nghênh việc thành lập một chương trình hưu trí xã hội không đóng góp ở Việt Nam như là một yếu tố quan trọng để thu hẹp khoảng cách bảo vệ và bảo đảm tiến bộ trong việc thực hiện quyền đối với an sinh xã hội và mức sống phù hợp. Như bằng chứng cho thấy, lương hưu không phải góp trước có thể làm giảm đáng kể đói nghèo và tình trạng dễ bị tổn thương của người già. Nhìn nhận rằng một chế độ chung là phù hợp với các nguyên tắc nhân quyền và có tính đến các cải tiến đáng kể trong năm 2007, chuyên gia độc lập cho rằng một số yếu tố của chương trình hiện có nên được sửa đổi để đảm bảo rằng những người lớn tuổi không phải là để sống trong cảnh nghèo đói. Những mối quan tâm lớn nhất là độ tuổi đủ điều kiện thụ hưởng hiện nay là từ trên 85, và trợ cấp mỗi tháng còn thấp.

Chuyên gia độc lập kêu gọi Nhà nước sửa đổi cả hai yếu tố này của chương trình để đảm bảo hỗ trợ phổ biến nhất có thể trong phạm vi tối đa các nguồn lực sẵn có.

49. Chuyên gia độc lập công nhận rằng Luật Người cao tuổi bắt đầu có hiệu lực gần đây, tạo ra một nền tảng quan trọng để tăng cường bảo vệ các quyền của người cao tuổi ở Việt Nam Hơn nữa đầu tư trong việc cung cấp chăm sóc y tế miễn phí với người lớn tuổi sống trong nghèo đói là rất quan trọng trong bối cảnh này.

E. Người khuyết tật

50. Trong năm 2006, khoảng 15,3% dân số Việt Nam có một số loại khuyết tật và ít nhất là 3,7% có một khuyết tật nặng. Chính phủ thống kê cho thấy một mối tương quan mạnh mẽ giữa khuyết tật và nghèo đói.[51] Người khuyết tật đặc biệt dễ bị tổn thương trước nghèo đói bởi vì những thách thức đối với tiếp cận giáo dục, chăm sóc sức khỏe và làm việc. Bất chấp những nỗ lực của Chính phủ để khuyến khích việc làm và giáo dục với người khuyết tật, đánh giá gần đây cho thấy năng lực hạn chế của chính sách xã hội hiện có để có thể tạo nên sự thay đổi.

51. Trẻ em khuyết tật phải chịu thiệt thòi: 52% không có tiếp cận giáo dục, phần lớn không hoàn thành tiểu học [52] và 88% trong số những người trên không được đào tạo về kỹ thuật.[53] Trong khi Chính phủ đã phát triển chính sách giáo dục hòa nhập phù hợp với nghĩa vụ của mình theo Điều 23 của Công ước về Quyền trẻ em, có một khoảng cách đáng kể trong việc thực hiện [nghĩa vụ này]. Trẻ em khuyết tật cũng phải đối mặt với bất lợi bên ngoài môi trường giáo dục, với chỉ một số nhỏ có thể tiếp cận trợ cấp xã hội mà họ có quyền được hưởng. Do đó, Chính phủ cần phải nâng cao nhận thức và đảm bảo các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật, và cải thiện các nguồn lực để phát hiện sớm và can thiệp.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

52. Nếu không có tiếp cận làm việc, giáo dục, tạo thu nhập, người khuyết tật chỉ có những cơ hội rất hạn chế. Trong số những người nỗ lực tìm được việc làm, hầu hết có việc làm không ổn định, tự làm chủ. Trong bối cảnh này, chuyên gia độc lập hoan nghênh pháp luật quy định các doanh nghiệp có thể tuyển dụng tối thiểu là 2-3% của người lao động với khuyết tật, hoặc đóng góp vào một quỹ để hỗ trợ cho người khuyết tật. Chuyên gia độc lập kêu gọi Chính phủ đảm bảo thực thi luật này.[54]

53. Chuyên gia độc lập công nhận những nỗ lực thực hiện thông qua việc sửa đổi Luật Người khuyết tật, phù hợp với Công ước về Quyền của Người Khuyết tật, và kêu gọi Chính phủ bảo đảm thực hiện pháp luật và phê chuẩn Công ước.

F. Người di cư trong nước

54. Trong khi đói nghèo là đặc biệt phổ biến ở nông thôn Việt Nam, các khu vực đô thị đang phải đối mặt với những thách thức mới, có dấu hiệu cho thấy sự gia tăng nghèo đói ở đô thị.[55] Dữ liệu điều tra dân số gần đây cho thấy, trong giai đoạn 2004-2009, khoảng 6,6 triệu người di cư nội bộ tại Việt Nam, hầu hết trong số họ đến khu vực đô thị hóa.[56] Tuy nhiên, thống kê chính thức chỉ phản ánh một phần thực tế, ước tính chỉ ra rằng số lượng người di cư mà điều tra dân số “không đếm” có thể lên tới 16 triệu.[57] Báo cáo cho thấy hơn 60% người di cư nội bộ làm việc mà không có hợp đồng chính thức, và do đó không có quyền tiếp cận bảo hiểm xã hội hoặc bảo hiểm y tế. Người di cư cũng thường xuyên làm thêm giờ và có thu nhập thấp hơn đáng kể so với các cư dân thành phố khác, với phụ nữ thậm chí nằm trong nhóm nhiều khả năng không có hợp đồng và được trả công thấp nhất.[58] Ngoài ra, dân di cư nội bộ ít có khả năng có tiền tiết kiệm [59] và hơn một nửa báo cáo không có thu nhập ổn định.[60] Tình hình nhà ở nghiêm trọng của nhiều dân di cư đã trầm trọng thêm bởi sự gia tăng chi phí sinh hoạt đô thị gần đây mà không có sự gia tăng tương đương của tiền lương. Mặc dù người di cư có nhiều khả năng dễ bị rủi ro sức khỏe do tỷ lệ nhà ở không hợp vệ sinh và không an toàn, khả năng họ sử dụng một cơ sở y tế khi bị bệnh là 19% thấp hơn bình thường vì thiếu bảo hiểm y tế và thu nhập thấp.[61]

55. Tình trạng này một phần là do yêu cầu tham gia hệ thống đăng ký hộ khẩu. Chỉ có khoảng 11% người di cư nội bộ đăng ký thường trú cho phép tại địa điểm sống mới, và 47% đăng ký tạm trú.[62] Mặc dù Chính phủ nỗ lực để đơn giản hóa hệ thống đăng ký, có bằng chứng rằng chính phủ vẫn có một hệ thống rào cản về thể chế với người di cư nội bộ để tiếp cận được các dịch vụ Chính phủ cơ bản và chuyên ngành. Điều này làm tăng thêm những lo ngại về hậu quả làm tái sinh sự nghèo đói. Trong chuyên thăm, chuyên gia độc lập đã nhận được thông tin là trẻ em tạm trú chỉ được đi học ở quận/huyện sở tại nếu còn chỗ sau khi trẻ em thường trú đã đăng ký hết. Vì thiếu trường học trong nhiều khu vực đô thị, một số trẻ em di cư do đó không thể đi học.[63]

56. Chính phủ đã công nhận sự cần thiết phải thích ứng với các thủ tục và do đó Luật Cư trú mới đã có hiệu lực trong năm 2007, nhưng người di cư tạm thời

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

và không đăng ký tiếp tục đối mặt với một hệ thống thực hiện đăng ký công kênh và không thống nhất trên toàn quốc.[64] Chuyên gia độc lập qua tiếp xúc với các cộng đồng sống trong nghèo đói đã xác nhận rằng có sự hiểu biết hạn chế về thủ tục đăng ký và hững người di cư tạm thời không đăng ký phải đối mặt với những thách thức đáng kể trong việc sử dụng các dịch vụ.

57. Rõ ràng là người di cư từ nông thôn đến các khu vực đô thị sẽ tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Việt Nam, và quyền lợi của họ và những người trong gia đình họ, đặc biệt là quyền của họ được hưởng một tiêu chuẩn sống phù hợp, y tế, giáo dục và nhà ở, phải được bảo đảm. Việc thiếu thông tin chính xác về người di cư đô thị và đầy đủ dịch vụ để đáp ứng với thực tế mới này đã làm rủi ro cho một nhóm ngày càng lớn trước đói nghèo.

58. Vì vậy, chuyên gia độc lập kêu gọi Chính phủ tiếp tục đánh giá tình hình của tất cả người nhập cư hoặc người cư trú tạm thời và áp dụng các biện pháp thích hợp để ngay lập tức loại bỏ các rào cản hành chính gây khó khăn cho họ trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội. Hơn nữa, nếu ước tính về các cư dân tạm thời không đếm được là chính xác, rõ ràng là cần phải nhanh chóng mở rộng các dịch vụ xã hội tại các khu vực đô thị.

IV. An sinh xã hội (bảo trợ xã hội)

59. Xét rằng một trong các tiêu điểm chính của công việc của chuyên gia độc lập là phân tích về bảo trợ xã hội dựa trên quyền con người, phần sau đây đề đạt một số sáng kiến hiện có liên quan đến việc thúc đẩy bảo trợ xã hội ở Việt Nam và đề xuất bổ sung hoặc cải tiến cho những sáng kiến này. Theo giải thích của Ủy ban Liên Hợp Quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, báo cáo này sử dụng thuật ngữ “bảo trợ xã hội” và “an sinh xã hội” một cách tương đương.[65]

60. Chuyên gia độc lập nhắc lại rằng nhiệm vụ thực hiện bảo trợ xã hội bắt nguồn trực tiếp từ một số quyền con người, đặc biệt là quyền an sinh xã hội và quyền có một mức sống thích đáng, được ghi nhận trong Tuyên ngôn Nhân quyền và các điều ước quốc tế Việt Nam đã như Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (các điều 9, 10 và 11), Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (Điều 11) và Công ước về Quyền trẻ em (Điều 26). Như đã nêu ở trên, các quy định của Hiến pháp Việt Nam cũng cung cấp một nền tảng pháp lý cho chính sách bảo trợ xã hội và các chương trình quốc gia.[66]

61. Từ quan điểm này, đầu tư trong việc bảo vệ những người sống trong nghèo đói cùng cực không phải là một vấn đề mang tính lựa chọn, cũng không một cử chỉ của lòng từ bi, mà là một nghĩa vụ nhân quyền.

62. Khi chuyên thăm của chuyên gia độc lập đã diễn ra, Chính phủ đã kết thúc Chiến lược an sinh xã hội 2011-2020, trong đó cung cấp một cái nhìn tổng quan về kế hoạch tổng thể thúc đẩy các sáng kiến bảo trợ xã hội ở Việt Nam.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

Chiến lược bao gồm các biện pháp nhằm thúc đẩy bảo hiểm xã hội toàn dân, bảo hiểm việc làm và mở rộng hỗ trợ xã hội.

63. Trong khi chiến lược vẫn chưa thực hiện thành công, chuyên gia độc lập công nhận Chiến lược đã cung cấp một tổng quan hữu ích về tình hình hiện nay cũng như một kế hoạch hành động toàn diện để giải quyết nhiều thách thức quan trọng. Bà đặc biệt đánh giá cao thực tế là tài liệu được phát triển trên cơ sở công nhận rõ ràng quyền an sinh xã hội của người dân và được hướng dẫn bởi các nguyên tắc phổ quát.[67] Văn bản này cũng khẳng định cần ưu tiên các nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương "để đảm bảo mức sống tối thiểu trong trường hợp rủi ro gây mất tạm thời hoặc vĩnh viễn, giảm thu nhập".[68]

64. Chiến lược an sinh xã hội bao gồm một số chính sách nhằm vào, gồm, (a) tạo việc làm, tạo thu nhập và tham gia vào thị trường lao động, (b) mở rộng các thành viên bảo hiểm xã hội, (c) hỗ trợ xã hội và xóa đói giảm nghèo, và (d) Các chương trình an sinh xã hội.

65. Mục đích của báo cáo này không phải là để kiểm tra từng chi tiết các chính sách này mà là để cung cấp một đánh giá nhân quyền của một vài chi tiết trong số họ, đặc biệt là những phần liên quan mật thiết đến tình hình của những người sống trong nghèo đói cùng cực. Về vấn đề này, hỗ trợ xã hội, trợ cấp bảo hiểm y tế, trợ cấp giáo dục, và một số chương trình xóa đói giảm nghèo trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xóa đói giảm nghèo được chú ý đặc biệt.

66. Một đánh giá chi tiết của các hình thức truyền thống của bảo hiểm xã hội, chẳng hạn như đóng góp lương hưu, ngoài phạm vi của báo cáo này. Những nỗ lực gần đây của Chính phủ để mở rộng phạm vi bảo hiểm của bảo hiểm xã hội được hoan nghênh, tuy nhiên, Chính phủ nên thực hiện nỗ lực hơn nữa để đảm bảo rằng những người làm việc tại các thị trường không chính thức, lao động nông thôn và doanh nghiệp nhỏ có thể hưởng sự bảo hộ từ chương trình bảo hiểm trên cơ sở bình đẳng với người lao động khác. Vùng tiếp cận của chương trình bảo hiểm xã hội bắt buộc đã tăng lên trong những năm gần đây, nhưng vẫn còn rất hạn chế (theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống kê chỉ có 18% tổng số lao động). Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng trung tâm của việc mở rộng đề án không đóng tiền trước được mô tả dưới đây.

67. Chuyên gia độc lập nhận thấy rõ ràng qua chuyến công tác và các thông tin nhận được, rằng Chính phủ Việt Nam chú trọng bảo vệ xã hội. Trong chuyến thăm, Thủ tướng Chính phủ đã đích thân viết một bài báo công nhận rằng các nguồn lực phân bổ cho an sinh xã hội và phúc lợi vẫn còn quá thấp ở Việt Nam và thể hiện cam kết của Chính phủ để tăng cường bảo vệ. Về vấn đề này, chuyên gia độc lập nhấn mạnh rằng Chính phủ phải tăng cường hỗ trợ cho các đề án hỗ trợ xã hội và cho việc mở rộng bảo hiểm y tế đảm bảo nguyên tắc quyền con người chẳng hạn như bình đẳng, không phân biệt đối xử, minh bạch, sự tham gia, tiếp cận thông tin và trách nhiệm giải trình được tôn trọng trong tất cả các chính sách thực hiện.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

68. Chuyên gia độc lập tin vào ý định của Chính phủ trong việc tăng cường cách tiếp cận về quyền con người với chính sách bảo trợ xã hội và hy vọng các khuyến nghị dưới đây sẽ giúp Nhà nước làm như vậy.

Các nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử

69. Đây là những nguyên tắc nhân quyền bao quát định hướng cho toàn bộ chính sách của nhà nước.[69] Tuân thủ những nguyên tắc này đòi hỏi, ví dụ, ưu tiên những chính sách giải quyết những trở ngại cụ thể ngăn cản các nhóm có hoàn cảnh khó khăn và dễ bị tổn thương nhất được hưởng các quyền của mình một cách bình đẳng với phần còn lại của dân số. Để giải quyết những bất lợi về cấu trúc Nhà nước cũng có thể cần phải có hành động khẳng định để giảm dần hoặc loại bỏ các điều kiện gây ra hoặc góp phần duy trì đói nghèo.

70. Đảm bảo tuân thủ những nguyên tắc này đặc biệt có liên quan trong những lĩnh vực sau đây:

1. Đặt mục tiêu

71. Trong khi cơ chế đặt mục tiêu có thể được xem như là một cách vươn đến những người nghèo nhất (đặc biệt là khi nguồn lực có hạn), quan điểm về quyền con người yêu cầu phải thận trọng, vì nghĩa vụ còn đòi hỏi Nhà nước phải phân đầu đảm bảo những tiến bộ trong việc thụ hưởng rộng nhất có thể của các quyền. Tuy nhiên, mục tiêu đạt ra phải được thực hiện trong một chiến lược lâu dài của từng bước đảm bảo việc bảo vệ một cách phổ quát, tránh loại trừ người hưởng lợi một cách không lành mạnh và phải phù hợp với tất cả các nguyên tắc nhân quyền khác (ví dụ như tránh kỳ thị, bảo đảm tính minh bạch).

72. Trong một số trường hợp, chẳng hạn như việc cung cấp lương hưu không đóng góp cho người cao tuổi và các biện pháp bảo vệ xã hội cho người khuyết tật, một cách tiếp cận đồng nhất phổ thông có thể thích hợp hơn, để hạn chế cả việc loại trừ không công bằng và tránh chi phí cao của những thủ tục hành chính phức tạp cần có để thực hiện mục tiêu đặt ra. Chương trình phổ thông cũng phù hợp với nghĩa vụ nhân quyền khác như giảm cơ hội tham nhũng và thao túng cũng như những kỳ thị có thể xảy ra.

73. Trên thực tế, thực hiện theo các nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử khi theo đuổi các chương trình mục tiêu, các nhà hoạch định chính sách phải:

(a) lựa chọn các phương án chính sách cẩn thận để tránh loại trừ một cách không công bằng những nhóm có hoàn cảnh khó khăn và không được trao quyền. Đặc biệt cần chú ý để đảm bảo rằng những người sống ở vùng sâu vùng xa và miền núi, người khuyết tật, thất nghiệp công nhân, lao động nghèo tại khu vực phi chính thức, người nghèo đô thị, người có HIV/AIDS, những người bị ảnh hưởng bởi thảm họa tự nhiên được bảo đảm bằng bảo trợ xã hội. Nhà nước phải tích cực tìm ra các phương cách để vươn tới được các nhóm này.

(b) Mang tất cả các nỗ lực để giảm thiểu sai lỗi loại trừ. Từ quan điểm nhân quyền lỗi loại trừ nghiêm trọng hơn nhiều so với các lỗi bao gồm. Việc loại trừ

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

người hưởng lợi hợp pháp cấu thành một vi phạm về quyền của họ đối với an sinh xã hội và nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử. Hơn nữa, những người hay bị loại trừ nhất thường chính là những người dễ bị tổn thương và thiệt thòi, họ sẽ gặp khó khăn nhất trong việc yêu cầu bồi thường.

(c) Đảm bảo các điều kiện hưởng lợi của mục tiêu đặt ra phải nhạy cảm giới, hợp lý, khách quan và minh bạch.

2. Diện thụ hưởng

74. Diện thụ hưởng hạn chế của một số các chương trình hiện có thể làm tăng những lo ngại về sự phù hợp với các nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử.

75. Liên quan đến chương trình trợ giúp xã hội, chuyên gia độc lập hoan nghênh việc thông qua Nghị định 67, sáp nhập một số sáng kiến, mở rộng tiêu chí thụ hưởng và nâng cao mức thụ hưởng. Tuy nhiên, như Chính phủ công nhận, diện hỗ trợ xã hội vẫn còn là thấp do tiêu chí chặt chẽ, và mức độ thụ hưởng vẫn còn không đầy đủ. Chuyên gia độc lập hoan nghênh Chiến lược An sinh Xã hội mới đã đặt mục tiêu mở rộng diện đối tượng thụ hưởng hỗ trợ thường xuyên, cũng như đáp ứng hơn nữa các tiêu chí thụ hưởng để bao gồm tất cả các hộ gia đình sống dưới chuẩn nghèo, và tăng lợi ích thụ hưởng.[70]

76. Về vấn đề tiếp cận với chăm sóc sức khỏe, chuyên gia độc lập hoan nghênh việc thông qua Luật Bảo hiểm Y tế (2008) cung cấp một nền tảng cho việc mở rộng bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm y tế tự nguyện. Từ quan điểm nhân quyền, đây là một bước tiến đáng kể đến mục tiêu đạt được bảo vệ phổ quát vào năm 2014 và nên được đánh giá cao. Tuy nhiên, như đề cập dưới đây, nỗ lực hơn nữa là cần thiết để đảm bảo chất lượng điều trị; đặc biệt, cho những người sống trong nghèo đói.

77. Một biện pháp tích cực là Quỹ chăm sóc sức khỏe cho người nghèo (HCFP) cung cấp hỗ trợ để đưa các hộ gia đình sống trong nghèo đói vào các chương trình bảo hiểm sức khỏe và cung cấp các dịch vụ y tế miễn phí cho tất cả trẻ em dưới sáu tuổi. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo đã có hơn 60% tổng dân số hiện nay được bảo hiểm.[71] 78. Đánh giá cho thấy HCFP và chương trình tiền nhiệm, "Thẻ khám bệnh miễn phí cho người nghèo", đã thành công trong việc hướng đến các nhóm nghèo nhất ở Việt Nam, thành công trong việc thúc đẩy họ thường xuyên sử dụng các cơ sở y tế và làm giảm nguy cơ phải trả chi phí bất ngờ khủng khiếp. Tuy nhiên, sự khác biệt về địa bàn trong việc thực hiện có thể góp phần làm cho số đối tượng được thụ hưởng thấp hơn so với dự kiến, và có những thách thức hơn nữa trong thực hiện như mô tả dưới đây. Chính phủ đang phải đối mặt với những thách thức trong việc cải thiện phạm vi bảo hiểm của bảo hiểm y tế (ví dụ như đối với người dân nông thôn) và đảm bảo rằng chất lượng của dịch vụ chăm sóc sức khỏe không giảm bớt mà là cải thiện dần theo thời gian.

3. Sẵn có và chất lượng thỏa đáng

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

79. Nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử cũng yêu cầu các quốc gia thành viên đảm bảo rằng bảo trợ xã hội phù hợp với các tiêu chuẩn về nhân quyền về tính sẵn có, tính tiếp cận được, và chấp nhận được về văn hóa cũng như khả năng thích ứng.

80. Các nguyên tắc sẵn có yêu cầu lợi ích và dịch vụ nên là đủ chất lượng và số lượng để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng trong vấn đề [đang đề cập tới]. Như vậy, trong khi Nhà nước nên lưu ý sự cần thiết phải mở rộng phạm vi của đề án bảo vệ xã hội hiện tại, các lợi ích phải đủ cao để cho phép mọi người để tận hưởng một mức sống thích đáng và để thực hiện ít nhất là nội dung cốt lõi tối thiểu của các quyền kinh tế xã hội và văn hóa.

81. Từ góc độ quyền con người, phương tiện, hàng hoá và dịch vụ, và các chương trình không phải chỉ có sẵn nhưng cũng phải có chất lượng tốt. Trong bối cảnh Việt Nam, đây là vấn đề đặc biệt quan ngại trong việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Trong khi chi tiêu công về y tế đã tăng lên đáng kể, hệ thống này vẫn thiếu nguồn lực trong nhiều khu vực chẳng hạn như năng lực và đào tạo cán bộ địa phương, sức khỏe sinh sản vị thành niên, cải thiện điều kiện vệ sinh và vệ sinh. Ngoài ra, hiện nay sự chênh lệch trong phạm vi bảo hiểm chăm sóc sức khỏe giữa các vùng, giữa khu vực đô thị và nông thôn và giữa các nhóm dân tộc cũng làm tăng mối quan ngại về phù hợp với các nguyên tắc của bình đẳng, không phân biệt đối xử.

82. Chất lượng cũng yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ công có các kỹ năng liên quan và tránh thành kiến chống lại kỳ thị những người sống trong nghèo đói. Về vấn đề này, chuyên gia độc lập quan ngại về các báo cáo về mức độ kỹ năng thấp của các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và thái độ tiêu cực của cán bộ y tế đối với bệnh nhân được hưởng lợi từ HCFP, làm cho những người hưởng lợi không muốn tìm đến sự chăm sóc mà họ cần.[72] Bà hoan nghênh việc thông qua Luật khám chữa bệnh sẽ có hiệu lực vào tháng 1 năm 2011, đòi hỏi các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe để đáp ứng các tiêu chí nhất định để có được giấy phép, và khuyến khích Chính phủ đảm bảo rằng việc cấp phép và giám sát thực thi Luật này sẽ được thực hiện đầy đủ. Bà cũng đề nghị sửa đổi hệ thống theo đó các bệnh viện được hoàn trả ít hơn cho bệnh nhân có thể chăm sóc sức khỏe miễn phí, mà các bằng chứng giai thoại cho thấy rằng điều này có thể dẫn đến việc điều trị bằng tiêu chuẩn thấp hơn cho những người dùng thẻ khám chữa bệnh miễn phí.

4. Khả năng tiếp cận

83. Khả năng tiếp cận đòi hỏi lợi ích và dịch vụ phải được phân bổ và cung cấp cho tất cả mà không phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào. Điều này có nghĩa cả về vật lý và kinh tế, và tiếp cận đến thông tin liên quan về các dịch vụ này. Địa lý của nông thôn Việt Nam đưa ra nhiều thách thức về khả năng tiếp cận vật lý với các dịch vụ xã hội đối với một số bộ phận dân số. Những chênh lệch rất lớn trong việc tiếp cận các dịch vụ công giữa các vùng, giữa khu vực

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

nông thôn và thành thị, và giữa các dân tộc làm tăng mối quan ngại về nhân quyền nên được khắc phục.

84. Khả năng tiếp cận cũng đòi hỏi Nhà nước loại bỏ các rào cản hành chính ngăn chặn các nhóm dễ bị tổn thương tiếp cận vào các lợi ích bảo trợ xã hội trên cơ sở bình đẳng với phần còn lại của dân số. Đặc biệt đáng quan ngại là giấy phép thường trú giới hạn tiếp cận các dịch vụ xã hội của người di cư nội bộ.

85. Lợi ích và dịch vụ phải chấp nhận được về mặt kinh tế với những người sống trong nghèo cùng cực, họ không thể phải chịu những gánh nặng không cân xứng bởi chi phí trực tiếp và gián tiếp và những phí tổn khác. Về vấn đề này, mặc dù đầu tư tăng lên trong các lĩnh vực này, chuyên gia độc lập quan ngại về xu hướng hiện nay đối với phí sử dụng trong y tế và giáo dục, và sự tồn tại của chi phí gián tiếp đáng kể ngay cả đối với dịch vụ "miễn phí", có tác động một cách không cân xứng đến những người nghèo nhất và có thể đóng góp vào việc gia tăng khoảng cách về tiếp cận giữa các hộ giàu và hộ nghèo.⁷³

86. Trong trường hợp của giáo dục, ví dụ, chuyên gia độc lập công nhận tiến bộ đạt được. Theo dữ liệu có sẵn, trong năm 2006 hơn 90% trẻ em từ các hộ gia đình nghèo nhất ở trường tiểu học được miễn toàn bộ hoặc một phần lệ phí trực tiếp, cũng như hơn 45% trẻ em ở bậc trung học cơ sở.^[74] Tuy nhiên, các chi phí bổ sung vẫn còn vượt quá khả năng của hộ gia đình sinh sống ở mức cực nghèo. Lý do phổ biến nhất khiến trẻ em dân tộc thiểu số bỏ học là thiếu tiền cho các chi phí không chính thức và các chi phí gián tiếp, mà trợ cấp giáo dục của Chính phủ không bảo đảm.^[75] Trong chuyến thăm của mình đến các gia đình sống trong nghèo đói, chuyên gia độc lập đã được cho biết rằng chi phí gián tiếp là một trở ngại quan trọng đối với việc đến trường của trẻ em ở những hộ gia đình này.

87. Quyền được giáo dục yêu cầu cung cấp giáo dục tiểu học phổ thông, bắt buộc và miễn phí (cả chi phí trực tiếp và gián tiếp). Chuyên gia độc lập do đó cũng đề nghị sửa đổi việc sử dụng phí, lệ phí và các khoản đóng góp cũng như hệ thống miễn phí trong hệ thống các trường công của Việt Nam.

88. Chính sách của Nhà nước phải cân nhắc đến và loại bỏ các rào cản khác mà những người sống trong cảnh nghèo đói phải đối mặt trong việc tiếp cận các dịch vụ công. Về vấn đề chăm sóc sức khỏe, báo cáo cho thấy HCFP đã không mấy hiệu quả trong việc giảm chi phí từ tiền túi của các hộ gia đình nghèo, những người vẫn phải trả tiền cho chi phí vận chuyển và những chi phí "không cần thiết" như chẩn và băng, và thường thậm chí là cả thuốc.^[76] Chuyên gia độc lập xác nhận qua việc gặp gỡ các cộng đồng sống trong nghèo cùng cực mà phần lớn họ có thể bảo hiểm y tế, nhưng nhiều người cho biết họ không đủ khả năng đáp ứng những chi phí bên ngoài túi tiền khác và chi phí cơ hội, do đó từ bỏ hoặc trì hoãn những điều trị chăm sóc sức khỏe quan trọng. Bảo đảm tài chính và tình trạng sức khỏe do đó có liên kết mật thiết.

5. Chấp nhận được và khả năng thích ứng văn hóa

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

89. Khả năng thích ứng văn hóa đòi hỏi lợi ích và dịch vụ phải được điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của các cộng đồng hoặc cá nhân trong các thiết chế xã hội và văn hóa khác nhau, bao gồm cả những nhu cầu văn hóa của các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi. Nó đòi hỏi, ví dụ, rằng các quốc gia loại bỏ những rào cản hành chính, ngôn ngữ hay bất kỳ rào cản văn hoá khác ngăn cản hoặc làm người ta nản lòng trong việc tiếp cận các lợi ích và dịch vụ.

90. Khả năng thích ứng về văn hóa đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo rằng các dân tộc thiểu số có được và được hưởng lợi từ chính sách công. Các nhà hoạch định chính sách cần phải tăng cường nỗ lực của mình để hiểu các chuẩn mực văn hóa và kết hợp chúng tốt hơn trong việc xây dựng chính sách. Những người thiểu số có xu hướng được hưởng lợi ít hơn so với người Kinh từ các chương trình xóa đói giảm nghèo của Chính phủ do khó khăn trong việc tiếp cận thông tin về các chương trình này.[77] do đó cần có các chính sách cụ thể để vượt qua rào cản ngôn ngữ mà có một tác động đáng kể vào việc tái sinh nghèo đói của người dân tộc thiểu số. Cũng cần cân nhắc đến những nỗ lực đặc biệt để vượt qua rào cản ngôn ngữ làm giảm khả năng tiếp cận của một số nhóm dân cư.

B. Đảm bảo dữ liệu tách biệt theo giới và cập nhật

91. Việc thiếu các dữ liệu chất lượng là một thiếu sót lớn trong các chương trình bảo vệ xã hội và giảm nghèo tại Việt Nam. Để đảm bảo có thể vươn tới những nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương nhất và để thiết kế các chương trình bảo trợ xã hội hiệu quả hơn, cần phải có các dữ liệu có chất lượng, được thu thập một cách có hệ thống và phân tách theo vị trí địa lý, dân tộc, giới tính và tuổi tác. Dữ liệu chung chung hoặc không đầy đủ không chỉ ẩn đi các nhóm dễ bị tổn thương nhất và thiệt thòi nhất mà có thể còn dẫn đến việc hoạch định chính sách không thấu đáo và đặt mục tiêu nguồn lực không chính xác.

92. Điều này đặc biệt rất quan trọng trong mối quan hệ với các nhóm thiểu số và người di cư nội bộ. Dữ liệu về dân tộc thiểu số phải phản ánh sự đa dạng của nhiều nhóm trong phạm vi này, và do đó nên được thu thập và phân tách cho nhiều dân tộc càng tốt (hiện thời nó chỉ tách biệt năm nhóm dân tộc thiểu số lớn nhất). Dữ liệu về số lượng người di cư nội bộ cũng là cần thiết và phải bao gồm di cư ngắn hạn hoặc theo mùa.

C. Điều phối Quốc gia

93. Nhìn chung, Việt Nam được đánh giá cao về việc phát triển một loạt các chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo và bảo trợ xã hội. Tuy nhiên, phạm vi này cũng đặt ra những thách thức. Tăng cường phối hợp giữa các ngành và các Bộ là cần thiết. Chính phủ cần thúc đẩy phương pháp tiếp cận tích hợp để đối phó với các vấn đề xuyên suốt như quyền trẻ em, dân tộc thiểu số và sự hòa nhập của người khuyết tật. Cũng cần có sự phối hợp lớn hơn liên quan đến hệ thống y tế. Nếu hệ thống bảo hiểm y tế xã hội có thể để đảm bảo kết quả mong muốn, nó phải được kết hợp tốt hơn vào chính sách xã hội và kinh tế

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

toàn diện, trong đó xóa đói giảm nghèo và đảm bảo phù hợp với nhân quyền là ưu tiên.

D. Sự tham gia và trách nhiệm giải trình

94. Từ quan điểm nhân quyền, sự tham gia có ý nghĩa và hiệu quả của những người hưởng lợi trong thiết kế và thực hiện chương trình không chỉ cần thiết để đạt được tính bền vững và tính bền vững, mà còn xuất phát từ quyền con người với sự tham gia (ví dụ như: Công ước Quốc Tế về các Quyền Dân sự và chính trị, điều 25). Sự tham gia của người hưởng lợi phải được đảm bảo trong tất cả các chương trình và phải là một thành phần cốt lõi của những chương trình ấy.

95. Chuyên gia độc lập hoan nghênh những công nhận của Chính phủ cần thiết phải tăng cường sự tham gia của đồng bào dân tộc thiểu số trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu khác nhau. Điều này là cần thiết cả về mặt nhân quyền và để đảm bảo hiệu quả lớn hơn. Ví dụ, một đánh giá gần đây của P-135 nói chung là tích cực, nhưng kết thúc với một số khuyến nghị để cải thiện hiệu quả của chương trình, bao gồm tăng cường sự tham gia của các cộng đồng địa phương.[78] Chuyên gia độc lập nhấn mạnh rằng việc tham gia có ý nghĩa sẽ không thể thiếu việc phổ biến thông tin có liên quan bằng các ngôn ngữ có thể tiếp cận được hay thiếu sự hỗ trợ của các quan chức nhà nước có thể giao tiếp với các dân tộc thiểu số.

96. Xem xét vai trò trung tâm của chương trình trợ giúp xã hội bổ sung cho hệ thống bảo hiểm xã hội, chuyên gia độc lập kêu gọi Chính phủ xem xét thông qua một đạo luật quy định về hỗ trợ xã hội tại Việt Nam. Một công cụ pháp lý xác lập quyền và nghĩa vụ ràng buộc pháp lý và được thi hành trong bối cảnh hỗ trợ xã hội hỗ trợ là cần thiết để đảm bảo trách nhiệm giải trình và ổn định lâu dài. Nó cũng sẽ giúp đảm bảo rằng người hưởng lợi có nhận thức tốt hơn các quyền của mình, và các sáng kiến không được coi chỉ là công cụ từ thiện.

V. Hỗ trợ quốc tế và hợp tác

97. Việt Nam đã được hưởng lợi từ hỗ trợ quốc tế và hợp tác trong nhiều thập kỷ qua, đã thu hút công nhận quan trọng ghi nhận những thành tựu phát triển. Hợp tác quốc tế sẽ vẫn rất quan trọng, đặc biệt là liên quan đến cải thiện khuôn khổ pháp lý và thể chế cho nhân quyền và cho tăng cường các chính sách xã hội nói chung.

98. Chuyên gia độc lập cũng kêu gọi cộng đồng quốc tế cung cấp cho Việt Nam kinh phí cần thiết để hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu và các biện pháp giảm thiểu. Những khoản tài trợ này nên được tách biệt và bổ sung với cam kết Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) đã có.

99. Phù hợp với nghĩa vụ nhân quyền quốc tế,[79] chuyên gia độc lập kêu gọi cộng đồng quốc tế tiếp tục đảm bảo hỗ trợ dài hạn có báo trước và nhất quán trong việc cung cấp hỗ trợ cho Việt Nam. Mặt khác, chuyên gia độc lập hiểu Chính phủ phải tiếp tục nỗ lực để cải thiện quản lý nguồn vốn ODA, đảm bảo

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

rằng các nguồn lực đã nhận được có thể vươn đến các nhóm dễ bị tổn thương nhất và được sử dụng một cách kịp thời và hiệu quả.

VI. Kết luận và kiến nghị

100. Chuyên gia độc lập công nhận và hoan nghênh những thành tựu chủ yếu của Việt Nam trong xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống, và tiến triển hướng tới Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Tuy nhiên, thách thức vẫn còn, như nêu bật trong báo cáo này. Khi nghèo đói ngày càng đề kháng với tăng trưởng và bất bình đẳng vẫn còn cao dai dẳng, cần có các chính sách phức tạp và linh hoạt hơn để đối đầu với nghèo đói. Chuyên gia độc lập tin rằng Chính phủ Việt Nam có khả năng và sẵn sàng củng cố thành quả của mình và vượt qua những thách thức để đảm bảo phát triển bao gồm hơn trong tương lai. Từ quan điểm nhân quyền, điều quan trọng là Chính phủ đảm bảo rằng những lợi ích kinh tế từ tăng trưởng được lan truyền đồng đều nhất có thể trên toàn xã hội.

101. Báo cáo bao gồm các khuyến nghị chi tiết trong mỗi phần của nó, nhưng chuyên gia độc lập muốn đặc biệt nhấn mạnh những điểm sau đây:

(a) Tăng cường hơn nữa khung pháp lý và thể chế:

(i) Chính phủ phải tăng cường cam kết của mình để bảo vệ nhân quyền thông qua việc phê chuẩn và thực hiện ngay lập tức các điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người như Công ước chống tra tấn và các biện pháp đối xử và trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, Công ước về Bảo vệ quyền của tất cả các lao động di cư và các thành viên gia đình của họ; Công ước về Quyền của Người Khuyết tật, Công ước quốc tế về bảo hộ của tất cả khỏi việc mất tích cưỡng bách, cũng như các Nghị định thư Tùy chọn của Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công Ước Quốc Tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại Phụ nữ.

(ii) Chính phủ nên thành lập một tổ chức nhân quyền quốc gia phù hợp với các Nguyên tắc Paris về vị thế của tổ chức quốc gia [về nhân quyền].

(iii) Chính phủ cần thông qua một đạo luật quy định tất cả các cơ chế trợ giúp xã hội, để đảm bảo trách nhiệm giải trình và sự ổn định lâu dài của hệ thống bảo vệ xã hội.

(b) Bảo đảm công bằng và toàn diện chính sách xã hội và kinh tế: (i) Giải quyết tình trạng bất bình đẳng đang tiếp diễn bằng cách lấp đầy những khoảng trống với nhiều nhóm dễ bị tổn thương khác nhau như đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ, trẻ em, người lớn tuổi, người khuyết tật và người di cư nội bộ, và thiết kế các chương trình đáp ứng nhu cầu cụ thể của họ.

(c) Tăng cường hệ thống bảo trợ xã hội từ quan điểm nhân quyền (i) Trong những hậu quả của quá trình chuyển đổi sang một nước thu nhập trung bình, Việt Nam phải tiếp tục đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ xã hội để

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

đảm bảo tính liên tục của sự tiến bộ trong xoá đói giảm nghèo. (ii) Hủy bỏ các rào cản với việc tiếp cận các dịch vụ công (hành chính, tài chính, văn hóa, địa lý) và bảo đảm dịch vụ công có chất lượng cao và đủ số lượng là có thể tiếp cận được với toàn bộ dân số. Đặc biệt, giải quyết vấn đề tăng chi phí gián tiếp trong dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giáo dục. (iii) Nâng cao sự hội nhập, gắn kết và quản lý chính sách xã hội và cải thiện thu thập dữ liệu.

(d) Vai trò của hỗ trợ quốc tế và hợp tác: (i) Cộng đồng quốc tế nên tiếp tục cung cấp thêm hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam để giảm thiểu biến đổi khí hậu và các biện pháp ứng phó. (ii) Chính phủ Việt Nam phải đảm bảo rằng các nguồn lực đã nhận thông qua hợp tác quốc tế được đưa đến các nhóm dễ bị tổn thương nhất và được sử dụng một cách kịp thời và hiệu quả.

1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Báo cáo quốc gia về mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 2010, Việt Nam 2/3 chặng đường đạt đến các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và Hướng tới năm 2015 (Hà Nội, tháng 8 năm 2010) ("Việt Nam: Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Báo cáo quốc gia năm 2010", trang 23.

2. Theo chuẩn nghèo chung của Ngân hàng Thế giới/Tổng cục Thống kê Việt Nam chuẩn nghèo chung, Báo cáo MDG Việt Nam 2010, trang 23.

3. Việt Nam Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 2010 Báo cáo quốc gia, 2010, trang 32.

4. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2008: Bảo vệ xã hội, trang 11.

5. Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Việt Nam Báo cáo quốc gia 2010, trang 14.

6. Xem các điều ví dụ, 56, 59, 60, 63, 65 và 67 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

7. Việt Nam là thành viên Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước Quốc tế Công ước về Quyền Kinh tế, Xã hội và văn hóa, Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức Phân biệt đối xử đối với phụ nữ, và Công ước về Quyền trẻ em và hai Nghị định thư tùy chọn.

8. Liên quan đến bảo trợ xã hội, các điều đặc biệt có liên quan là điều 9, 10 và 11 của Công ước Quốc tế Công ước về Quyền Kinh tế, Xã hội và văn hóa, điều 5 (iv) của Công ước Xóa bỏ Phân biệt chủng tộc, Điều 11 của Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ và Điều 26 của Công ước về Quyền của trẻ em.

9. A/HRC/12/50, đoạn. 479-480.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

10. A/HRC/WG.6/5/VNM/1 10, đoạn. 72.
11. Việt Nam Bộ Kế hoạch và Đầu tư, "Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm năm - 2006-2010 ", trang 92.
12. Việt Nam Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Báo cáo quốc gia 2010, trang 114
13. Ngân hàng Thế giới, Quốc gia phân tích xã hội: Dân tộc và Phát triển tại Việt Nam: Báo cáo tóm tắt (2009), trang 13.
14. Ngân hàng Thế giới, dựa trên dữ liệu từ Tổng cục Thống kê của Việt Nam, số liệu gần đây.
15. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2008: Bảo vệ xã hội, trang 13.
16. Theo các chỉ số đa chiều, vịnh thậm chí còn lớn hơn đối với nghèo tiền tệ (13% và 61%). Xem III, C., trẻ em, dưới đây để biết thêm thông tin về các chỉ số; UNICEF, Một Phân tích Tình hình trẻ em tại Việt Nam năm 2010, trang 45.
17. Ngân hàng Thế giới, Quốc gia phân tích xã hội: Dân tộc và Phát triển tại Việt Nam: Báo cáo tóm tắt (2009), trang 24.
18. Chương trình này được bổ sung bởi các sáng kiến khác như Chương trình 132 và Chương trình 134 bao gồm các biện pháp hỗ trợ người dân tộc thiểu số với đất đai, nhà ở và cấp nước.
19. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2008: Bảo vệ xã hội, trang 15.
20. Ngân hàng Thế giới, Phân tích xã hội quốc gia: Dân tộc và Phát triển Việt Nam: Báo cáo tóm tắt (2009), trang 19.
21. Như trên, tr. 25.
22. Việt Nam Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Báo cáo quốc gia 2010, trang 116.
23. Ngân hàng Thế giới, Phân tích xã hội quốc gia: Dân tộc và Phát triển tại Việt Nam: Báo cáo tóm tắt (2009), trang 43 và 46.
24. A/HRC/16/45/Add.2, đoạn 83
25. Việt Nam Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Báo cáo quốc gia 2010, trang 41.
26. Như trên, trang 44
27. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2008: Bảo trợ Xã hội, trang 39.
28. Overseas Development Institute, *Gendered Risks, Poverty and Vulnerability in Viet Nam*, trang 11.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

29. Việt Nam Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Báo cáo quốc gia 2010, trang 47-48. 31 Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển châu Á đánh giá Việt Nam Giới Tính, 2006, trang 43.
- 30 Như trên.
31. Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển châu Á, Đánh giá Giới quốc gia ở Việt Nam, 2006, tr. 43.
32. Việt Nam Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Báo cáo quốc gia 2010, tr. 62.
33. Quỹ Dân số Liên Hiệp quốc (UNFPA), "Tiếp cận người thiếu số ở Việt Nam qua các hộ sinh nói ngôn ngữ thiểu số", 2010.
34. Việt Nam Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Báo cáo quốc gia 2010, tr. 62.
35. Xem ví dụ Tổng cục Thống kê Việt Nam và Liên Hợp Quốc, Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam (2010).
36. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) và Chương trình phát triển LHQ "Hỗ trợ cải thiện và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xoá đói giảm nghèo ": Báo cáo đánh giá giữa kỳ năm 2009.
37. UNICEF, Một Phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam 2010, tr. 17.
38. Việt Nam Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Báo cáo quốc gia 2010, tr. 54.
39. Chính phủ Việt Nam, Bộ Y tế.
40. UNICEF, Phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam năm 2010, trang 183.
41. Ngân hàng Thế giới, Việt Nam: Quốc gia giới đánh giá năm 2006, tr. 26.
42. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội 42, "An sinh xã hội, chiến lược: Giai đoạn 2011-2020" (2010), tr. 18.
43. UNICEF, Phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam năm 2010, trang 187.
44. H. Hansen, Lê Đăng Trung "Better than its Reputation? The Incidence of Social Transfers and Education Fee Exemptions in Vietnam" DEPOCEN" Working Paper Series No. 2007/09.
45. UNICEF, Phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam năm 2010, trang 66.
46. Như trên, trang 23.
47. Như trên, trang 226.
48. Understanding Children's Work, *Understanding Children's Work in Vietnam* (2009), tr. 43.
49. Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc, "Dân số & Phát triển tại Việt Nam: Hướng tới một mới Dân số / Chiến lược sức khỏe sinh sản, 2011-2020 Giới thiệu tóm tắt 4, trang 1.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

50. Như trên.
51. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2008: Bảo vệ xã hội, trang 30.
52. UNICEF, Phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam năm 2010, trang 193.
53. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội 53, "An sinh xã hội, chiến lược: Giai đoạn 2011-2020" (2010), tr. 8.
54. Như trên.
55. Liên Hợp Quốc, Di cư trong nước: Cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam (2010), tr. 11.
56. Như trên, tr. 6.
57. Liên Hiệp Quốc, Di cư và Phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, kêu gọi hành động (2010) tr. 5.
58. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2008: Bảo vệ xã hội, trang 36-7.
59. UNFPA, Di cư tại Việt Nam: Tình hình hiện tại (2007), tr. 20.
60. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2008: Bảo vệ xã hội, trang 38.
61. UNFPA, năm 2004 Việt Nam di cư Khảo sát: Di cư và sức khỏe năm 2006, tr. 86.
62. Việt Nam Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ Báo cáo quốc gia 2010, tr. 117.
63. Liên Hợp Quốc, Di cư và Phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam: Kêu gọi hành động, 2010, tr. 7.
64. Như trên.
65. Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Bình luận chung số 19.
66. Hiến pháp Việt Nam, điều 56, 59, 60, 65 và 67.
67. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội 67, "An sinh xã hội, chiến lược: Giai đoạn 2011-2020" (2010), tr. 2.
68. Như trên.
69. Xem ví dụ: Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, điều 2 (2) và 3; Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, điều 2 (1), 3 và 26; Công ước quốc tế Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc điều 2 (1), Công ước về Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, điều 2, Công ước về Quyền trẻ em, điều 2 (1).
70. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, "An sinh xã hội, chiến lược: Giai đoạn 2011-2020" (2010), tr. 29.
71. Như trên, tr. 18.

Bản dịch không chính thức của Khoa Luật dùng cho mục đích học tập nghiên cứu

Báo cáo của Chuyên gia độc lập về vấn đề quyền con người và tình trạng nghèo cùng cực, Magdalena Sepulveda Carmona

72. Xem, ví dụ, Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2008: Bảo vệ xã hội, trang 88
73. H. Hansen., Le Dang Trung “Better than its Reputation? The Incidence of Social Transfers and Education Fee Exemptions in Vietnam” DEPOCEN Working Paper Series No. 2007/09.
74. World Bank, “Viet Nam: Strengthening the social safety net to address poverty and vulnerability” (draft), 2010, tr. 17.
75. Ngân hàng Thế giới, Quốc gia phân tích xã hội: Dân tộc và Phát triển tại Việt Nam: Báo cáo tóm tắt (2009), tr. 25.
76. Ngân hàng Thế giới, Việt Nam Báo cáo Phát triển 2008: Bảo vệ xã hội, trang 88-89.
77. Ngân hàng Thế giới, Phân tích xã hội Quốc gia: Dân tộc và Phát triển tại Việt Nam: Báo cáo tóm tắt (2009), tr. 19.
78. Ủy ban về Dân tộc thiểu số và Liên Hợp Quốc *Reviewing the Past – Responding to New Challenges: Mid-Term Review of Programme 135-II, 2006-2008* (2009), tr. 71.
79. Đặc biệt là Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, điều 2 (1), và 11 và Công ước về Quyền trẻ em, điều 4.